

Số: 441/2021/QĐST-HNGĐ

Quận 7, ngày 03 tháng 12 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 370/2021/HNST ngày 27 tháng 10 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc Thiên T sinh năm 1987; địa chỉ: 1230 đường A, Phường B, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh;

Bị đơn: Ông Nguyễn Nguyên V sinh năm 1987; địa chỉ: 414 ấp C, xã D, huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: Căn hộ số B12A.08, chung cư Đ, Khu phố E, phường F, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84, Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 375, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 11 năm 2021;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 11 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Nguyễn Ngọc Thiên T và ông Nguyễn Nguyên V.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc Thiên T và ông Nguyễn Nguyên V thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 17 ngày 08/3/2016 do Ủy ban nhân dân Phường G, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp).

- Về quan hệ con chung: Các đương sự có 01 con chung, họ tên là Nguyễn Ngọc Kỳ T, sinh ngày 12/8/2016.

Sau khi ly hôn bà Nguyễn Ngọc Thiên T và ông Nguyễn Nguyên V thỏa thuận giao con chung là trẻ Nguyễn Ngọc Kỳ T, sinh ngày 12/8/2016 cho bà Nguyễn Ngọc Thiên T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Nguyên V cấp dưỡng nuôi 01 con chung mỗi tháng 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Thi hành vào ngày 01 hàng tháng. Bắt đầu thi hành từ ngày 01/12/2021 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng được quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Ông Nguyễn Nguyên V được quyền và nghĩa vụ đi lại trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp ông Nguyễn Nguyên V chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì ông Nguyễn Nguyên V còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về quan hệ tài sản chung: Các đương sự xác định là tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ nợ chung: Các đương sự xác định là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Ngọc Thiên T tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án về tranh chấp hôn nhân và gia đình là 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ là 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0013574 ngày 27/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, bà Nguyễn Ngọc Thiên T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án về tranh chấp hôn nhân và gia đình.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Tp. HCM;
- VKSND Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu (HS, Thu).

THẨM PHÁN

Trần Thị Xuân Duyên